TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂY NINH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08-5-2019.
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lưu Thị Kiên;
2. Bà Bùi Phước Hòa.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Ninh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hồ Sơn Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 121/2019/TLST-HNGĐ ngày 05/3/2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/4/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Kim T, sinh năm 1978;

Địa chỉ cư trú: Ấp BP, xã TB, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; Có mặt.

Bị đơn: Anh Bùi Văn L, sinh năm 1974;

Địa chỉ cư trú: Khu phố NĐ, phường NT, thành phố TN, tỉnh TN; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/02/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Kim T trình bày:

Chị và anh L tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã TN, tỉnh Tây Ninh vào năm 2002. Cuộc sống hôn nhân của anh chị không

hạnh phúc, do chị phải chịu áp lực từ những người thân trong gia đình anh L; Chị và anh L mỗi người đều có suy nghĩ riêng, anh L là người cầu toàn, luôn áp đặt chị phải làm theo ý kiến anh, nếu không thực hiện chị sẽ bị xúc phạm, xem thường; vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn từ việc nuôi dạy con chung, làm ăn kinh tế đến cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Vì sợ ảnh hưởng đến danh dự gia đình, sự phát triển của con chung nên chị nhẫn nhịn chung sống với anh L. Khoảng 03 năm nay mâu thuẫn vợ chồng xảy ra gay gắt, mỗi lần xảy ra cãi vã anh L đều thách thức chị làm đơn ly hôn; anh chị ngày càng ít nói chuyện với nhau hơn làm cho cuộc sống hôn nhân ngày càng nặng nề. Ngày 02/9/2018 chị và các con ra ở riêng, sống ly thân với anh L. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung tên là Bùi Thanh P1, sinh ngày 23/01/2004; Bùi Thanh P2, sinh ngày 13/7/2008.

Chị làm giáo viên và kinh doanh thêm có thu nhập khoảng 12.000.000 đồng/tháng, có chỗ ở ổn định. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, vì chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung từ nhỏ cho đến nay; anh L vừa phải đi làm công việc chuyên môn ở Bệnh viện vừa kinh doanh nên không có thời gian chăm sóc các con. Chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 12/4/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Bùi Văn L trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian chung sống, kết hôn. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng diễn ra bình thường. Do anh và chị T có suy nghĩ riêng, quan điểm sống riêng dẫn đến vợ chồng không hòa hợp, không thống nhất khi giải quyết các vấn đề nảy sinh trong cuộc sống, từ đó mới xảy ra cãi vã có những lời lẽ xúc phạm, làm tổn thương đến nhau. Khoảng tháng 9/2018 chị T và các con không còn sống chung với anh.

Anh biết hiện nay chị T không còn thương anh nữa, anh muốn để chị T làm theo ý kiến của chị, không ép buộc chị phải sống chung với anh. Vì muốn chăm lo, giáo dục con chung trưởng thành nên anh không đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung như chị T trình bày. Anh công tác tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tây Ninh tiền lương cơ bản 5.000.000 đồng/tháng, ngoài ra anh còn có thu nhập từ việc kinh doanh văn phòng phẩm, có nơi ở ổn định đảm bảo đủ điều kiện nuôi con. Quá trình vợ chồng chung sống, anh và chị T đã phân công cụ thể anh có nhiệm vụ làm kinh tế, chị T chăm sóc các con chung. Trường hợp ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con; anh sẽ cố gắng sắp xếp thời gian, công việc hợp lý để chăm sóc cho các con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Kim T.

Cho ly hôn giữa chị Trần Kim T và anh Bùi Văn L. Giao 02 con chung Bùi Thanh P1, sinh ngày 23/01/2004; Bùi Thanh P2, sinh ngày 13/7/2008 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị T và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Kim T khởi kiện yêu cầu ly hôn, được quyền nuôi con chung đối với anh Bùi Văn L trú tại phường NT, thành phố TN. Do vậy xác định quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" và Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Chị T và anh L tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã TN (nay là thành phố TN), tỉnh Tây Ninh, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét về mâu thuẫn vợ chồng: Nhận thấy chị T và anh Lchung sống không hòa hợp, mỗi người có suy nghĩ riêng, không thống nhất khi giải quyết các vấn đề phát sinh trong cuộc sống hôn nhân từ đó vợ chồng xảy ra cãi vã, mâu thuẫn với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, anh L yêu cầu được đoàn tụ vợ chồng nhưng chị T không đồng ý. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 9/2018 cho đến nay, không có khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận cho chị T ly hôn với anh L theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Chị T và anh L có 02 con chung tên là Bùi Thanh P1, sinh ngày 23/01/2004; Bùi Thanh P2, sinh ngày 13/7/2008. Chị T và anh L đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Nhận thấy chị T và anh L đều có điều kiện nuôi dưỡng các con chung. Tuy nhiên các con chung từ nhỏ đến nay đều được chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục tốt và hiện nay đang sống cùng chị T; chị T có thu nhập, chỗ ở ổn định. Mặt khác các con chung đều có nguyện vọng chung sống với chị T; thời gian sau khi sống ly thân chị T vẫn tạo điều kiện để các con gần gũi với anh L. Do vậy nhằm đảm bảo sự phát triển toàn diện, ổn định của các con chung, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao 02 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp về mọi mặt.

Ghi nhận chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[3] Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Kim T về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với anh Bùi Văn L.

1.1. Cho ly hôn giữa chị Trần Kim T và anh Bùi Văn L.

1.2. Về con chung: Giao 02 con chung tên là Bùi Thanh P1, sinh ngày 23/01/2004; Bùi Thanh P2, sinh ngày 13/7/2008 cho chị Trần Kim T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung theo quy định pháp luật mà không ai được cản trở.

1.3. Về nợ chung, tài sản chung: Chị T và anh L không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí: Chị Trần Kim T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí khởi kiện

đã nộp theo biên lai thu số 0006647 ngày 04/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành hành án dân sự. án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV-TAND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- CCTHADS TPTN;
- UBND P.3,TPTN;
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Bùi Thị Liên